| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **13**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 3 năm 2024
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lê Thị Thu Hền
*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Phẩm
Bà Bùi Thị Hảo

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2023/TLST- HNGĐ ngày 03/10/2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXX- ST ngày 05/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2024/QĐ – ST ngày 22/02/2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1965; Địa chỉ: Đội 4, khu T, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

*Bị đơn:* Bà Lê Thị Kim X, sinh năm 1973; Địa chỉ: Đội 4, khu T, phường M, thành phố Vì, tỉnh Phú Thọ. Hiện bà X đang ở nước ngoài.

(Ông L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bà X vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị Kim X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/12/2007 tại UBND phường M, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn ông bà được tự do tìm hiểu lấy nhau hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại khu T, phường M, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Đến năm 2009 thì bà X đi lao động tại Trung Quốc. Kể từ khi đi nước ngoài thì có 2, 3 lần bà X về Việt Nam nhưng về nhà mẹ đẻ sinh sống chứ không về sống cùng ông. Thời gian đầu khi mới sang Trung Quốc thì vợ chồng có liên lạc với nhau sau này thưa dần và không liên lạc với nhau nữa. Hiện nay bà X vẫn đang lao động tại Trung Quốc và chưa quay trở lại Việt Nam. Nguyên nhân mẫu thuẫn là do vợ chồng sống xa nhau thời gian dài nên không có sự quan tâm, sẻ chia, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà X

Về con chung: Ông và bà X có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/3/2009. Khi ly hôn ông xin đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H và không yêu cầu bà X phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ chung: Ông xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ông L yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Hiện bà X đang ở Trung Quốc, ông không có địa chỉ của bà X nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xác minh, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của ông Lê Văn Q, sinh năm 1952 (Là anh trai của bà X); địa chỉ: Đội 1, khu M, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ để làm căn cứ giải quyết việc ly hôn của ông.

*Bị đơn bà Lê Thị Kim X*: Hiện đang sinh sống tại Trung Quốc, không có địa chỉ cụ thể, Tòa án thực hiện tống đạt toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà X thông qua anh trai bà X là ông Lê Văn Q, tuy nhiên đến nay bà X chưa có bất kỳ quan điểm gì gửi cho Tòa án.

*Ông Lê Văn Q (Là anh trai của bà X) trình bày*: Ông là anh trai ruột của bà Lê Thị Kim X. Hiện nay bà X đang đi lao động tại nước ngoài. Bà X vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình qua mạng xã hội nhưng không nói rõ cụ thể ở đâu nên ông không thể cung cấp địa chỉ của bà X ở nước ngoài cho Tòa án được. Việc ông L làm đơn xin ly hôn với bà X, ông đã nhất trí nhận và thông báo nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà X biết. Đồng thời bà X có gọi điện về trao đổi với ông là đề nghị Tòa án giải quyết vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh PhúThọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đã tiến hành theo đúng các quy định tại Bộ Luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Thanh L được ly hôn với bà Lê Thị Kim X.

Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Thanh L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/3/2009. Bà Lê Kim X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông L do ông L không yêu cầu.

Bà Lê Thị Kim X có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Do ông L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Thanh L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe đương sự trình bày, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ.

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L nộp đơn xin ly hôn bà Lê Thị Kim X tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Ông L và bà X đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường M, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, ông L trình bày hiện bà X đang sống và làm việc tại Trung Quốc. Tại văn bản số 1534/QLXNC- Đ1 ngày 20/9/2023 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh – Công an tỉnh Phú Thọ (BL 19) xác nhận: "Lê Thị Kim X, sinh ngày 01/5/1973; HKTT: Khu T, phường M, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. CCCD số 025173007635; công dân được cấp hộ chiếu lần gần nhất số C8045369 (theo số CMND 131629072), xuất cảnh ngày 06/7/2013 qua cửa khẩu Hữu Nghị - Lạng Sơn, không có thông tin nhập cảnh". Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quan hệ tranh chấp được xác định trong vụ án là quan hệ "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Ông Nguyễn Thanh L vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bà Lê Thị Kim X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh L và bà Lê Thị Kim X có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn 18/12/2007 tại UBND phường M, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông L trình bày quá trình chung sống vợ chồng sống xa nhau thời gian dài nên không có sự quan tâm, sẻ chia, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng đã sống ly thân khi bà X đi nước ngoài cho đến nay. Hiện nay bà X vẫn đang lao động tại Trung Quốc và chưa quay trở lại Việt Nam. Nay ông L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Kim X.

Bà Lê Thị Kim X hiện đang ở nước ngoài, ông Nguyễn Thanh L chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của bà X, không cung cấp được địa chỉ của bà X ở nước ngoài cho Tòa án nên đã đề nghị Tòa án xác minh thu thập chứng cứ thông qua ông Lê Văn Q, sinh năm 1952 (Là anh trai của bà X); địa chỉ: Đội 1, khu Minh Tân, phường M, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Ông Quang xác nhận bà X hiện đang đi lao động tại nước ngoài, bà X vẫn thường xuyên gọi điện cho ông nhưng không cho ông biết địa chỉ cụ thể ở nước ngoài nên ông không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể của bà X ở nước ngoài cho Tòa án được. Do vậy Tòa án không thể thực hiện ủy thác tư pháp cho bà X theo quy định. Căn cứ công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Mặc dù bà X không có bản tự khai tại Tòa án nhưng Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án cho bà X thông qua anh trai của bà X là ông Lê Văn Q. Ông Q nhận và cam kết sẽ thông báo toàn bộ nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà X. Đồng thời bà X

cũng có trao đổi quan điểm của bà với ông Q về việc ông L xin ly hôn bà là đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy ông L và bà X đã không chung sống cùng nhau và vợ chồng sống xa nhau thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc ông Nguyễn Thanh L đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Kim X là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, đề nghị xin ly hôn của ông Nguyễn Thanh L được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Từ những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xác định ông L và bà X có một con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/3/2009. Khi ly hôn ông L đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu bà X phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay bà X đang ở nước ngoài, do vậy để đảm bảo cuộc sống, sinh hoạt, học tập của cháu H nên cần giao cho ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H là phù hợp. Bà X không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng ông L do ông L không yêu cầu là phù hợp nên cần được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, về công nợ, công sức đóng góp: Ông L xác định vợ chồng không có và không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 179, khoản 2 điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Thanh L được ly hôn với bà Lê Thị Kim X.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/3/2009 cho ông Nguyễn Thanh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Lê Thị Kim X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng cùng ông L do ông L không yêu cầu.

Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Ông L xác định vợ chồng không có và không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận ông L đã nộp

300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0000612 ngày 03/10/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thihành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được Bản án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND P. M;
- Lưu: HS; AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Thu Hền**